

Số: 97 /2026/TB-NTW

Nhơn Trạch, ngày 14 tháng 09 năm 2026.

THÔNG BÁO

Về việc: Áp dụng Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã được Sở Công thương thành phố Đồng Nai chấp thuận.

Kính gửi: Quý khách hàng.

Căn cứ Quyết định số 07/2024/QĐ-Ttg ngày 20/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và Thông tư số 42/2025/TT-BTC ngày 22/6/2025 của Bộ Công Thương về ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

Căn cứ văn bản số 153/TB-SCT ngày 16/07/2026 của Sở Công Thương Thành phố Đồng Nai về việc đăng ký Hợp đồng theo mẫu điều kiện giao dịch chung đối với Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt (đính kèm văn bản và Hợp đồng).

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch xin thông báo đến Quý khách hàng về việc áp dụng mẫu Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt với các nội dung sau:

1. Tên hợp đồng: Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt

2. Thời điểm áp dụng: Từ ngày 15/09/2026

3. Đối tượng áp dụng:

a. Khách hàng mới là Hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt.

b. Khách hàng là hộ gia đình đang sử dụng nước sinh hoạt theo Hợp đồng cấp nước đã ký với NTW từ ngày 14/09/2026 trở về trước.

4. Công bố công khai:

Mẫu Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt mới và Thông báo số 153/TB-SCT ngày 16/07/2026 của Sở Công Thương thành phố Đồng Nai được niêm yết công khai trên các kênh: website: ntw.com.vn; tại các quầy giao dịch khách hàng của NTW và trụ sở Ủy ban nhân dân Phường/xã.

NTW xin thông báo đến Quý khách hàng được biết và rất mong tiếp tục nhận được sự thấu hiểu và hợp tác của Quý khách hàng.

Trân trọng!

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT; PKD.


Trần Văn Thùy.

Số: 153 /TB-SCT

Đồng Nai, ngày 6 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v hoàn thành đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
(Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú,
phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai)

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/06/2005;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/6/2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và Thông tư số 42/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ Công Thương về ban hành danh mục sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế ban hành

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Sau khi rà soát hồ sơ mã số H19.7-260603-0200075 ngày 04/6/2026 về việc đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch về hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt, Sở Công Thương thành phố Đồng Nai thông báo như sau:

1. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch đã hoàn thành trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo hồ sơ mã số H19.7-260603-0200075 nêu trên theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn thi hành (gửi kèm hợp đồng mẫu).

2. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch chịu trách nhiệm tuân thủ mẫu hợp đồng đã hoàn thành trách nhiệm đăng ký; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định của pháp luật có liên quan khi bổ sung các nội dung đề trống.

3. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch được sử dụng các mẫu theo hồ sơ nêu trên để giao dịch với người tiêu dùng kể từ thời điểm hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp thay đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, đề nghị Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch thực hiện thủ tục đăng ký lại theo đúng quy định.

4. Việc hoàn thành trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo Thông báo này chỉ có giá trị đối với bản tiếng Việt đã nộp trong hồ sơ đăng ký và không loại trừ trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

5. Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình đăng ký và áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về Sở Công Thương theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

Sở Công Thương thành phố Đồng Nai thông báo để Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch Nai biết, thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- BGĐ Sở;
- Chi cục Quản lý thị trường;
- Lưu: VT, QLTM.

Tien

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Dương Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT

Số: 153/TB-SCT./HD-CN

Khách hàng:

Địa chỉ sử dụng nước:

ID khách hàng:

Danh bộ khách hàng:

Địa chỉ đơn vị cung cấp nước:

KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Phường Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai

CÁC SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ CỦA BÊN A

STT	Tên đơn vị, bộ phận	Điện thoại	Nội dung liên hệ
1	Phòng Kinh doanh Nhà Máy nước Đại Phước	P.KD: 0251.3560574 0251.3566044 NMN ĐP: 02513.518350	* Từ 7 giờ đến 16h30 tiếp nhận mọi thông tin của khách hàng: - Thông báo tình trạng đồng hồ nước ngưng hoạt động, hư hỏng mất; - Thông báo các địa chỉ sử dụng nước gian lận, bất hợp pháp. - Thông báo mất nước, nước yếu, bể đường ống nước gây rò rỉ, ô nhiễm *Giải đáp các vấn đề về: - Thủ tục lắp đặt hệ thống cấp nước và đồng hồ nước; - Di dời đường ống và đồng hồ nước - Định mức nước, giá nước, khối lượng nước sử dụng. - Thanh toán tiền nước, tiền đóng mở nước; - Thông báo chỉ số nước; - Thủ tục sang tên; cấp hộ phụ và định mức nhà trọ. - Chấm dứt - thay đổi tên hợp đồng cung cấp và sử dụng nước; - hoá đơn tiền nước;
2	Trang thông tin điện tử:	- https://ntw.com.vn - https://cskh.ntw.com.vn - Zalo OA : Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT

Số:/HĐ-CNNT

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/06/2005;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/6/2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và Thông tư số 42/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ Công Thương về ban hành danh mục sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của hai Bên.

Hôm nay, ngày..... tháng năm tại Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Phường Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai. Chúng tôi gồm:

I. ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC (gọi tắt là Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Phường Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

- Điện thoại: 0251.3560574/3566044

- Website: www.ntw.com.vn

Email: capnuocnhontrach.ntw@gmail.com

- Mã số thuế: 3600977120

- Tài khoản số: 113000013049 tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Nhơn Trạch.

- Đại diện là: Ông Chức vụ:.....

Theo ủy quyền của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tại văn bản

Số:...../...../GUQ-NTW

II. KHÁCH HÀNG (gọi tắt là Bên B):

- Tên khách hàng:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:Điện thoại liên hệ/nhận thông tin:

- Email:

- Mã số thuế:

- Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách:

- Số định danh cá nhân/CCCD/Hộ chiếu:
- Tài khoản số: tại Ngân hàng:
- Đại diện là: Ông/Bà Chức vụ:
- ID khách hàng: Danh bộ khách hàng:
- Địa chỉ sử dụng nước:

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt gồm những điều khoản như sau:

Điều 1. Đối tượng của Hợp đồng

Bên A cung cấp nước sinh hoạt, Bên B sử dụng nước sạch theo quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng cung cấp của hệ thống cấp nước hiện hữu, thông qua đồng hồ đo nước do Bên A lắp đặt của một trong những trường hợp sau:

- 1.1. Bán lẻ nước sinh hoạt cho hộ gia đình ☐
- 1.2. Bán lẻ nước sinh hoạt cho tổ chức, doanh nghiệp ☐
- 1.3. Bán buôn nước sinh hoạt ☐

Điều 2. Các định nghĩa và diễn giải

Trong hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

2.1. **Nước sinh hoạt** là nước sạch đã qua xử lý bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu sử dụng, đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia hoặc Quy chuẩn tỉnh Đồng Nai (nếu có) về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt hiện hành.

2.2. **Hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh**: bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch đến khách hàng sử dụng nước và các công trình phụ trợ có liên quan.

2.3. **Đồng hồ đo nước** là thiết bị đo đếm nước để đo khối lượng nước tiêu thụ.

2.4. **Kỳ hóa đơn** là lần thanh toán tiền nước của Bên B cho một tháng sử dụng nước hoặc cho thời gian sử dụng trước đó.

2.5. **Ghi chỉ số nước** là việc Bên A ghi nhận chỉ số đồng hồ đo nước của Bên B nhằm xác định khối lượng nước tiêu thụ theo định kỳ ít nhất 01 lần/tháng vào khoảng thời gian ấn định từ ngày 01 đến ngày 25 hàng tháng. Đối với đồng hồ có khối lượng nước tiêu thụ lớn (Tổng số tiền nước hàng tháng từ 50 triệu đồng trở lên), Bên A có thể thực hiện ghi 02 (hai) lần/tháng.

2.6. **Phương pháp giả định** là phương pháp tính trung bình cộng lượng nước khách hàng đã sử dụng trong ba kỳ hóa đơn liền kề gần nhất trước đó.

2.7. Khối lượng nước tiêu thụ:

a) Trong điều kiện ghi đồng hồ đo nước bình thường: Khối lượng nước tiêu thụ được tính bằng hiệu số của chỉ số đồng hồ đo nước giữa hai kỳ ghi.

b) Trong điều kiện không ghi được chỉ số do đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc nhà vắng chủ, nhà khóa cửa, ổ khóa hộp bảo vệ đồng hồ đo nước bị hỏng không mở được, đồng hồ đo nước bị che lấp không đọc được chỉ số,...: Khối lượng nước tiêu thụ được tính theo phương pháp giả định hoặc thỏa thuận bằng văn bản (nếu có).

2.8. **Thông báo tiền nước** là thông báo trong đó ghi rõ khối lượng nước Bên B đã tiêu thụ và số tiền Bên B cần phải trả cho Bên A, được gửi trực tiếp cho Bên B hoặc công bố trên cổng thông tin điện tử của Bên A để Bên B chủ động thanh toán tiền nước cho Bên A đúng thời hạn quy định tại Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt.

2.9. **Thông báo ngừng cung cấp nước** là thông báo Bên A gửi cho Bên B khi Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt.

2.10. **Thông báo tạm ngừng cung cấp nước** là thông báo tạm ngừng cung cấp nước do Bên A thông báo trực tiếp cho Bên B (có thể thực hiện một trong các hình thức sau: bằng giấy, tin nhắn SMS, Zalo OA: Công ty CP cấp nước Nhơn Trạch) và công bố trên cổng thông tin điện tử của Bên A khi hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất, hoặc di chuyển, sửa chữa, cải tạo theo kế hoạch hàng năm của Bên A.

2.11. Sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan:

a) **Sự kiện bất khả kháng** là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

b) **Trở ngại khách quan** là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền, nghĩa vụ dân sự không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ dân sự của mình

(không bao gồm các lý do phát sinh từ lỗi quản lý, điều kiện nội tại, thiếu sót chủ quan hoặc khó khăn tài chính của Bên B).

Điều 3: Điều kiện chất lượng dịch vụ.

3.1. Chất lượng nước: đạt tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia hoặc Quy chuẩn thành phố Đồng Nai (nếu có).

3.2. Lưu lượng nước cấp: 24h/24h; trừ cúp điện hoặc sự cố kỹ thuật khách quan gây ra và trừ khi bên B bị xử lý ngừng cung cấp nước hoặc cúp nước theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Vị trí lắp đặt đồng hồ đo nước, hệ thống ống nhánh và mục đích sử dụng nước

4.1. Vị trí lắp đặt đồng hồ đo nước:

a) Vị trí lắp đặt: Được thống nhất giữa hai Bên và phù hợp với Quy định của Bên A, đảm bảo thuận tiện cho công tác ghi chỉ số đồng hồ đo nước, quản lý hệ thống cấp nước, thể hiện trên bản vẽ lắp đặt.

b) Trong quá trình Bên B sử dụng, Bên A có quyền thay đổi vị trí đồng hồ đo nước để phù hợp với yêu cầu quản lý, Bên B có nghĩa vụ phối hợp với Bên A thực hiện.

4.2. Hệ thống ống nhánh:

a) Mỗi hệ thống ống nhánh do Bên A quản lý được lắp đặt một đồng hồ đo nước. Các trang thiết bị sử dụng nước của Bên B phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và phù hợp với đặc tính kỹ thuật trang thiết bị của Bên A.

b) Khi Bên B yêu cầu thay đổi hệ thống ống nhánh thuộc hệ thống cấp nước do Bên A quản lý phải do Bên A thực hiện và Bên B có nghĩa vụ thanh toán các khoản chi phí cho Bên A.

4.3. Mục đích sử dụng nước sạch:

a) Bên B đăng ký sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt.

b) Mục đích sử dụng nước sạch có thể thay đổi theo nhu cầu thực tế của Bên B.

Điều 5. Giá nước sạch

5.1. Giá cung cấp nước sạch thực hiện theo giá công bố theo Quy định hiện hành.

5.2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng nếu giá nước sạch thay đổi thì Bên A sẽ thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và Website: <https://ntw.com.vn>. Hai Bên bắt đầu áp dụng kể từ thời điểm văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định về giá cung cấp nước sạch có hiệu lực.

5.3. Trường hợp Bên B sử dụng nước sạch của Bên A để bán lại cho đối tượng sử dụng khác thì phải đăng ký với Bên A.

5.4. Khi Bên B thay đổi mục đích sử dụng nước sạch thì phải đăng ký lại với Bên A để áp dụng giá nước sạch phù hợp với mục đích sử dụng nước sạch thực tế. Trường hợp Bên B thay đổi mục đích sử dụng nước sạch mà không đăng ký lại với Bên A thì Bên A được quyền áp dụng giá nước sạch theo mục đích sử dụng thực tế và truy thu phần chênh lệch (nếu có) kể từ ngày Bên A phát hiện sự thay đổi và thông báo đến Bên B.

Điều 6. Xác định khối lượng nước tiêu thụ trong kỳ

6.1. Trong điều kiện ghi đồng hồ đo nước bình thường: Bên A ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ theo quy định tại điểm a khoản 2.7 Điều 2 để xuất hóa đơn tiền nước.

6.2. Trong điều kiện không ghi được chỉ số đồng hồ đo nước:

a) Bên A ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ theo quy định tại điểm b khoản 2.7 Điều 2 để xuất hóa đơn cho Bên B thanh toán. Khi có kết quả kiểm tra, kiểm định hoặc ghi được chỉ số nước thì Bên A sẽ điều chỉnh vào hóa đơn tiền nước những kỳ tiếp theo.

b) Đồng hồ đo nước vẫn được xem là chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước sai số không vượt quá sai số cho phép so với khối lượng nước thực tế qua đồng hồ đo nước.

c) Bên B tạm ngừng sử dụng nước phải thông báo cho Bên A trước ít nhất là 05 (năm) ngày làm việc bằng văn bản để Bên A tiến hành tạm ngừng cung cấp nước và Bên B thanh toán hết công nợ còn lại (nếu có). Nếu Bên B không thông báo và Bên A không ghi được chỉ số nước thì khối lượng nước tiêu thụ trong kỳ hóa đơn được Bên A ghi nhận theo quy định tại điểm b khoản 2.7 Điều 2 hoặc ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ bằng 0 m³ cho đến khi ghi được chỉ số nước thực tế. Trường hợp đồng hồ vẫn ghi nhận

khối lượng nước do sử dụng hoặc rò rỉ, bể ống sau đồng hồ đo nước, Bên B phải thanh toán cho Bên A toàn bộ khối lượng nước hiển thị trên đồng hồ đo nước.

d) Khi Bên B tự báo chỉ số nước cho Bên A quá 02 kỳ hóa đơn liên tiếp, Bên A không tiếp cận được đồng hồ đo nước, Bên B không hợp tác để ghi nhận chỉ số thực tế trên đồng hồ đo nước thì Bên B phải chịu trách nhiệm với chỉ số nước đã báo. Khi Bên A chốt được chỉ số nước thực tế, có chênh lệch cao hơn mức sử dụng hàng tháng (trừ trường hợp đồng hồ bị hư hỏng) thì khối lượng nước thực tế sẽ được ghi nhận vào hóa đơn tiền nước kỳ đó và Bên B phải thanh toán toàn bộ tiền nước cho Bên A.

6.3. Khi Bên B có khiếu nại khối lượng nước tiêu thụ trong kỳ thì Bên B vẫn có nghĩa vụ thanh toán tiền nước theo Thông báo hoặc hóa đơn tiền nước của Bên A. Khi hai Bên cùng xác định được khối lượng nước chênh lệch (tăng hoặc giảm) thì khối lượng nước chênh lệch này sẽ được điều chỉnh vào hóa đơn tiền nước kỳ sau.

Điều 7. Phương thức thanh toán

7.1 Các phương thức thanh toán tiền nước (bằng tiền đồng Việt Nam):

a) Thanh toán bằng tiền mặt tại Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch, Văn phòng nhà máy nước Đại Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.

b) Thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên A tại các ngân hàng được in trên Thông báo tiền nước, công bố trên website: <https://cskh.ntw.com.vn>; Zalo OA: Công ty CP cấp nước Nhơn Trạch .

c) Thanh toán nhờ thu qua ngân hàng, các điểm thu hộ hoặc các hình thức dịch vụ nhờ thu khác đã được liên kết với Bên A.

d) Đối với hóa đơn tiền nước có tổng số tiền nước hàng tháng từ 50 triệu đồng trở lên thì Bên A có thể thực hiện thu 02 (hai) lần trong tháng.

7.2 Thời hạn thanh toán:

a) Bên B thanh toán toàn bộ số tiền ghi trên Thông báo tiền nước cho Bên A trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được Thông báo tiền nước bằng một trong các phương thức thanh toán quy định tại khoản 7.1 Điều 7.

b) Nếu quá thời hạn thanh toán ghi trên Thông báo tiền nước mà Bên B chưa thanh toán đủ số tiền thì Bên A sẽ gửi Thông báo tạm ngừng cung cấp nước cho Bên B. Bên A có quyền tạm ngừng cung cấp nước từ điểm đầu nối khi Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước đúng thời hạn nêu trong Thông báo tạm ngừng cung cấp nước.

c) Khi Bên B chậm thanh toán tiền nước quá 01 (một) tháng so với thời hạn thanh toán nêu tại Thông báo tiền nước thì Bên A có quyền tính lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 (ba) Ngân hàng thương mại có Chi nhánh Nhơn Trạch tại thành phố Đồng Nai (Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam) tại thời điểm thanh toán.

d) Bên A chỉ khôi phục cung cấp dịch vụ cấp nước khi Bên B hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ có liên quan theo khoản 10.3 Điều 10 của Hợp đồng này. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các khoản thiệt hại (nếu có) của Bên B khi bị Bên A tạm ngừng cung cấp nước.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

8.1. Quyền của Bên A:

8.1.1. Được phép vào khu vực có đồng hồ đo nước của Bên B để ghi chỉ số nước, thay đồng hồ đo nước, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay đổi vị trí đồng hồ đo nước và thay thế mới trang thiết bị cấp nước của Bên A.

8.1.2. Được đơn phương thay đổi giá nước khi Bên B thay đổi mục đích sử dụng nước thực tế phù hợp với quy định về giá nước hiện hành (không phải mục đích đăng ký sử dụng ban đầu).

8.1.3. Được quyền tạm ngừng cung cấp nước hoặc chấm dứt Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt trong các trường hợp sau:

a) Bên B không thanh toán tiền nước đúng thời hạn nêu tại khoản 7.2 Điều 7 và các khoản nợ khác nếu có.

b) Bên B có một trong các hành vi vi phạm được quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này.

c) Bên B không thực hiện các nghĩa vụ do Bên A đề xuất tại kết quả kiểm tra đồng hồ đo nước.

d) Theo yêu cầu (bằng văn bản) của Bên B hoặc chủ sở hữu hợp pháp thửa đất vì các lý do hợp lý như tạm vắng, tạm dừng sản xuất, kinh doanh trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt.

đ) Bên B không sử dụng nước 03 (ba) tháng liên tục mà không có yêu cầu ngừng cung cấp nước gửi cho Bên A.

e) Ngừng cung cấp nước và đơn phương chấm dứt Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt khi bất động sản có đồng hồ đo nước bị giải tỏa hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu thửa đất.

g) Khi xảy ra một trong các sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nêu tại khoản 2.11 Điều 2 hoặc khi Bên A thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cấp nước nêu tại khoản 8.2.8 Điều 8 của Hợp đồng này. Bên A sẽ gửi thông báo cho Bên B trong thời gian sớm nhất, khôi phục cung cấp nước trong thời hạn tối đa 01 (một) ngày sau khi các lý do tạm ngừng cung cấp nước đã được khắc phục và được miễn trừ trách nhiệm đối với các khoản thiệt hại của Bên B (nếu có).

8.1.4. Trường hợp Bên B có các hành vi gian lận khi sử dụng nước và gây thiệt hại cho Bên A thì Bên A có quyền truy thu tiền nước và các khoản bồi hoàn thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành. Tùy vào mức độ vi phạm và hành vi gây thiệt hại, Bên A có thể gửi hồ sơ cho Cơ quan có thẩm quyền để truy tố hoặc lập hồ sơ khởi kiện Bên B theo quy định của pháp luật hiện hành.

8.1.5. Trường hợp tuyến ống do Bên B đầu tư theo thỏa thuận với Bên A tại các khu vực chưa có ống cấp nước, Bên A được quyền đầu nối tiếp để phát triển mạng lưới cung cấp nước sạch cho người dân có nhu cầu sử dụng nước của Bên A.

8.1.6. Các quyền khác theo quy định pháp luật.

8.2. *Nghĩa vụ của Bên A:*

8.2.1. Đảm bảo cung cấp nước sạch theo đúng Quy chuẩn được cam kết tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

8.2.2. Thực hiện nội kiểm chất lượng nước sạch định kỳ theo quy định tại Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế.

8.2.3. Đảm bảo cung cấp nước cho Bên B thường xuyên liên tục kể cả ngày Lễ, Tết, chủ nhật, trừ các trường hợp đã quy định tại Khoản 8.1.3 Điều 8 của Hợp đồng này.

8.2.4. Bên A cung cấp kết quả kiểm nghiệm mẫu nước sạch theo yêu cầu của Bên B do Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai xác nhận.

8.2.5. Thay thế đồng hồ đo nước khác cho Bên B khi đồng hồ đo nước bị hư hỏng do khách quan, không đọc được chỉ số, ngưng hoạt động, kính mờ, do lỗi kỹ thuật của đồng hồ đo nước hoặc đến kỳ hạn kiểm định phải thay thế theo yêu cầu quản lý. Trừ các đồng hồ đo nước của Bên B tại Chung cư, Dự án, Khu dân cư mà Bên A chỉ quản lý ghi thu đồng hồ tổng và đồng hồ con.

8.2.6. Khi Bên B phản ánh về chất lượng nước, áp lực nước không đều, Bên A có trách nhiệm kiểm tra hệ thống cấp nước do mình quản lý và khắc phục chậm nhất trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên B.

8.2.7. Trường hợp Bên A cung cấp nước không đảm bảo hoặc ngừng cấp nước không có thông báo trước (trừ các sự kiện bất khả kháng), Bên A phải bồi thường thiệt hại cho Bên B theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

8.2.8. Trong trường hợp Bên A thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cấp nước định kỳ hoặc sửa chữa những hư hỏng biết trước thì Bên A có trách nhiệm thông báo trực tiếp cho Bên B (có thể thực hiện một trong các hình thức sau: Bằng giấy, tin nhắn SMS, Zalo OA: Công ty CP cấp nước Nhơn Trạch) và công bố trên cổng thông tin điện tử của Bên A để Bên B biết dự trữ nước.

8.2.9. Cung cấp thông tin về khối lượng nước tiêu thụ và hoá đơn tiền nước hàng tháng của Bên B dưới hình thức số liệu điện tử trên website <https://cskh.ntw.com.vn>.

8.2.10. Xem xét ký lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước hoặc ký bổ sung Phụ lục Hợp đồng khi hai Bên có nhu cầu.

8.2.11. Giải quyết các khiếu nại của Bên B theo quy định của pháp luật hiện hành.

8.2.12. Có trách nhiệm thực hiện đúng Hợp đồng, khi Bên A vi phạm Hợp đồng sẽ giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

9.1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp nước đạt áp lực và lưu lượng; đảm bảo chất lượng nước sạch theo quy định tại Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

b) Yêu cầu Bên A hoặc đơn vị có chức năng kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước khi nghi ngờ đồng hồ đo nước chạy không chính xác. Nếu kết quả kiểm định đồng hồ đo nước đạt tiêu chuẩn nhưng Bên B vẫn không đồng ý với kết quả kiểm định này thì Bên B có quyền yêu cầu Bên A kiểm định lại đồng hồ đo nước tại cơ sở kiểm định được nhà nước công nhận và Bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí liên quan. Số lần kiểm định lại không quá 03 lần/mỗi sự việc.

c) Yêu cầu Bên A (có thể thực hiện một trong các hình thức sau: Bằng giấy, Bằng Email, Zalo OA: Công ty CP cấp nước Nhơn Trạch), kèm bản sao Căn cước công dân để tạm ngừng cung cấp nước hoặc làm thủ tục thanh lý Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt khi Bên B không sử dụng nước.

d) Được khôi phục việc sử dụng nước sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nêu tại Khoản 10.3 Điều 10 của Hợp đồng này.

9.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Thanh toán tiền nước hàng tháng đầy đủ và đúng thời hạn theo Khoản 7.2 Điều 7 Hợp đồng này.

b) Bên B phải tạo điều kiện cho Bên A ghi chỉ số nước hàng tháng. Trường hợp nơi sử dụng nước đóng cửa vào thời điểm ghi chỉ số hoặc nhân viên ghi chỉ số không tiếp cận được đồng hồ đo nước thì Bên B phải báo chỉ số nước cho Bên A nhưng không được quá 02 (hai) kỳ hóa đơn liên tiếp và tự chịu trách nhiệm về chỉ số nước đã báo cũng như mọi phát sinh liên quan (nếu có).

c) Cụm đồng hồ đo nước do Bên A lắp đặt hoặc nhận bàn giao hệ thống nước, Bên B được sử dụng và phải có trách nhiệm bảo quản giữ gìn cụm đồng hồ đo nước. Cùng với Bên A bảo vệ hệ thống ống nhánh dẫn nước trước đồng hồ đo nước để việc đo đếm được chính xác. Đối với đồng hồ đo nước điện tử, Bên B không được tự ý tác động vào hộp đồng hồ đo nước và các thông số trên mặt hiển thị đồng hồ đo nước hoặc các thiết bị kèm theo. Bên B phải mua lại đồng hồ đo nước khác của Bên A khi đồng hồ đo nước bị mất, hoặc đồng hồ đo nước bị hư hỏng do lỗi của Bên B.

d) Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A để kiểm tra đồng hồ đo nước, thay đồng hồ đo nước, thay đổi vị trí đồng hồ đo nước, di dời hoặc sửa chữa, cải tạo hệ thống nước.

đ) Bên B phải thông báo cho Bên A biết khi có sự thay đổi chủ sở hữu bất động sản, bị giải tỏa, thay đổi số điện thoại, mã số thuế, số định danh cá nhân, mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách đã đăng ký trong Hợp đồng này. Nếu Bên B không báo cho Bên A để thanh lý hợp đồng hoặc điều chỉnh thông tin Hợp đồng, thông tin xuất hóa đơn thì Bên A không chịu trách nhiệm về mọi vấn đề phát sinh hoặc thiệt hại (nếu có) của Bên B.

e) Truy cập website <https://cskh.ntw.com.vn> để tra cứu thông tin sử dụng nước và tải hóa đơn điện tử.

g) Sử dụng nước đúng mục đích, tiết kiệm.

h) Cam kết sử dụng nước ngay sau khi hoàn thành lắp đặt đồng hồ đo nước mới. Gửi yêu cầu tạm ngừng cung cấp nước (bằng văn bản) và chịu trách nhiệm về chỉ số nước khi Bên B không sử dụng nước vì các lý do hợp lý như tạm vắng, tạm dừng sản xuất, kinh doanh trong một thời gian nhất định.

i) Đối với các hành vi vi phạm được quy định tại khoản 10.1 và khoản 10.2 Điều 10, Bên B cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nêu tại khoản 10.3 Điều 10 của Hợp đồng này.

k) Chấp hành đầy đủ các Quy định, Quyết định của Nhà nước và của Bên A về việc sử dụng nước, bảo vệ hành lang cấp nước và Quy định xử phạt các hành vi vi phạm có liên quan.

l) Bên B có trách nhiệm thường xuyên theo dõi chỉ số đang có trên đồng hồ đo nước, thông báo ngay cho Bên A theo số Hotline: (0251)3560574/3566044 khi có sự cố về đường ống và đồng hồ đo nước (ống bể; rò rỉ nước; mất đồng hồ đo nước; đồng hồ đo nước bị hư, đúng số, lượng nước sử dụng tăng kỳ tăng, giảm không bình thường, nghi ngờ đồng hồ đo nước hoạt động không chính xác; mất nước, nước yếu,...).

m) Khi Bên B xây dựng tại khu vực có đồng hồ đo nước nhưng không báo cho Bên A di dời đồng hồ dẫn đến đồng hồ đo nước bị nằm trong góc khuất, trong nhà, âm sâu,... Bên A không ghi được chỉ số nước, không thuận tiện cho việc quản lý hệ thống nước thì Bên B phải chịu mọi chi phí có liên quan và tiền nước phát sinh do rò rỉ ống nước sau đồng hồ đo nước không kiểm soát được.

n) Khi Bên B chuyển giao quyền sở hữu bất động sản có kèm theo hệ thống cấp nước và đồng hồ đo nước của Bên A thì Bên B có trách nhiệm chuyển giao cả quyền và nghĩa vụ đối với Hợp đồng này. Bên B phải báo cho Bên A trước 07 ngày và đề nghị người sở hữu bất động sản mới liên hệ với Bên A để ký lại Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt. Nếu Bên B không thông báo trước khi ký lại Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt thì khách hàng sử dụng nước tiếp theo vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các điều khoản của Hợp đồng này và phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến tình trạng hoạt động của đồng hồ đo nước, các khoản nợ tồn đọng (nếu có).

o) Khi Bên B có nhà hoặc bất động sản kèm hệ thống cấp nước và đồng hồ đo nước của Bên A thuộc diện giải tỏa thì Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A để thực hiện các thủ tục chấm dứt Hợp đồng và thanh toán toàn bộ khối lượng nước thực tế chốt được trên đồng hồ đo nước cho Bên A.

p) Đối với hệ thống ống nước sau đồng hồ đo nước tổng và đồng hồ đo nước con của Bên B tại Chung cư, Dự án Khu nhà ở, Khu dân cư chỉ bàn giao cho Bên A quản lý ghi thu đồng hồ tổng và đồng hồ con thì Chủ đầu tư hoặc Đơn vị quản lý chung cư hoặc Bên B chịu trách nhiệm quản lý; kiểm tra; sửa chữa hệ thống nước sau đồng hồ tổng;

thay đồng hồ con theo đúng chủng loại, kỹ thuật của Bên A, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trước khi bàn giao.

q) Bên B không được tự đấu nối ống sau đồng hồ đo nước để cung cấp nước cho đối tượng khác với mục đích kinh doanh như: tự thu tiền thi công lắp đặt, tự ghi thu tiền nước khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

r) Trường hợp Bên B bị tạm ngừng cung cấp nước (bị cúp, bị khóa, bị thu hồi đồng hồ đo nước), khi có nhu cầu sử dụng lại thì Bên B phải thanh toán các khoản công nợ tiền nước (nếu có) và chi phí để mở nước theo quy định hiện hành của Bên A. Thời gian mở lại quá thời hạn 06 (sáu) tháng thì Bên B phải mua lại đồng hồ đo nước khác của Bên A.

Điều 10. Các hành vi vi phạm; Hình thức khắc phục

10.1. Các hành vi vi phạm bị tạm ngừng cung cấp nước:

Bên A tạm ngừng cung cấp nước khi Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm điều khoản thanh toán nêu tại khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng này;
- b) Bên B cản trở không cho Bên A kiểm tra, thay đồng hồ đo nước, thay đổi vị trí đồng hồ đo nước, bảo dưỡng định kỳ hoặc đột xuất đồng hồ đo nước và đường ống cấp nước trước cụm đồng hồ đo nước;
- c) Bên B có một trong các hành vi vi phạm nêu tại khoản 10.2 Điều 10 của Hợp đồng này.

10.2. Các hành vi phải bồi hoàn thiệt hại:

10.2.1. Bên B phải bồi hoàn thiệt hại cho Bên A các trường hợp sau:

- a) Tự ý di dời, nâng, hạ đường ống cấp nước trước cụm đồng hồ đo nước;
- b) Tự ý thay đổi đường kính ống cấp nước trước cụm đồng hồ đo nước;
- c) Tự ý đấu nối vào đường ống cấp nước trước cụm đồng hồ đo nước, đục phá đường ống để lấy nước, thay đổi đường kính ống nước trước cụm đồng hồ đo nước;
- d) Tự ý dịch chuyển đồng hồ đo nước, sửa chữa công trình làm thay đổi hiện trạng lắp đặt đồng hồ đo nước, lắp mất đồng hồ đo nước;

- đ) Dùng máy bơm hút nước trực tiếp từ đường ống nước sau đồng hồ đo nước;
- e) Sử dụng nguồn nước khác đầu nối chung hệ thống nước mà Bên A đang cung cấp làm đồng hồ đo nước bị quay ngược;
- g) Đồng hồ đo nước bị đứt chì niêm phong hoặc chì kiểm định do lỗi của Bên B nhưng Bên B không mua lại đồng hồ đo nước khác của Bên A;
- h) Đồng hồ đo nước bị mất nhưng Bên B không mua lại đồng hồ đo nước khác của Bên A;
- i) Đồng hồ đo nước bị hư, vỡ, biến dạng do lỗi của Bên B nhưng Bên B không mua lại đồng hồ đo nước khác của Bên A;
- k) Làm hư hỏng các phụ kiện kèm theo của đồng hồ đo nước điện tử: tủ đồng hồ, cáp tín hiệu, mặt hiển thị,...
- l) Đồng hồ đo nước đang bị cúp mà Bên B tự ý mở van hoặc đầu nối sử dụng;
- m) Tự ý sử dụng đồng hồ đo nước không đúng chủng loại do Bên A cung cấp (trừ trường hợp có thỏa thuận khác);
- n) Tháo, lắp đặt làm quay chậm, quay ngược chỉ số đồng hồ đo nước (làm sai lệch chỉ số (lùi số));
- o) Khoan, cắt gọt cánh quạt đồng hồ đo nước;
- p) Đặt nam châm lên đồng hồ đo nước;
- q) Các hành vi gây hại cho đồng hồ đo nước, hệ thống cấp nước trước cụm đồng hồ đo nước và các hành vi gian lận khác.

10.2.2. Hình thức xử lý hành vi vi phạm:

Tùy mức độ vi phạm, Bên A áp dụng hình thức xử lý vi phạm theo các quy định pháp luật có liên quan và quy định hiện hành của Bên A tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

10.3. Bên A chỉ thực hiện cấp nước lại sau khi Bên B đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bên A bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- a) Thanh toán tất cả các khoản nợ tiền nước, truy thu tiền nước, chi phí khôi phục lại hiện trạng ban đầu, chi phí bồi hoàn thiệt hại (nếu có);
- b) Thanh toán chi phí cúp, mở nước;
- c) Hoàn thành các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 11. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 11.1. Bên A không còn điều kiện thực hiện dịch vụ cung cấp nước theo quy định của pháp luật.
- 11.2. Bên B hết nhu cầu sử dụng nước và đề nghị Bên A chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản.
- 11.3. Hai Bên thỏa thuận để thay thế bằng một Hợp đồng khác.
- 11.4. Các trường hợp quy định tại Điểm e khoản 8.1.3 Điều 8 của Hợp đồng này.
- 11.5. Một Bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng.

Điều 12. Sửa đổi hợp đồng

Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt được sửa đổi, bổ sung khi có thỏa thuận bằng văn bản của cả hai Bên. Trường hợp các quy định pháp luật hoặc các quy định của Bên A về quản lý, cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt có sự thay đổi thì được điều chỉnh theo quy định mới sau khi Bên A thông báo cho Bên B theo một trong các hình thức sau: Bằng giấy, tin nhắn SMS, Zalo OA: Công ty CP cấp nước Nhơn Trạch, và niêm yết công khai trên website: <https://ntw.com.vn>; trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

- 13.1. Khi có tranh chấp Hợp đồng, hai Bên sẽ giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và tôn trọng.
- 13.2. Trong trường hợp hai Bên không thỏa thuận được, thì tranh chấp được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Nai.

Điều 14. Điều khoản chung

14.1. Khi Bên A chuyển đổi hình thức doanh nghiệp theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Bên A và Bên B đã nêu trong Hợp đồng này là không thay đổi.

14.2. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng. Ngoài nghĩa vụ cụ thể được quy định trong Hợp đồng, hai Bên nghiêm chỉnh thực hiện theo Quy định hiện hành có liên quan của Nhà nước.

14.3. Hợp đồng này không xác định thời hạn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu lắp đặt đồng hồ đo nước.

14.4. Hợp đồng được lập thành 01 (một) bản dưới hình thức ký điện tử và được lưu trữ mặc định trên máy chủ của Bên cung cấp dịch vụ Hợp đồng điện tử theo quy định. Mỗi bên có thể tải về lưu trữ riêng dưới dạng văn bản điện tử hoặc in giấy (không giới hạn số lượng bản lưu).

14.5. Trường hợp Hợp đồng này được thực hiện dưới hình thức ký giấy thì sẽ được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A
TUQ. GIÁM ĐỐC CÔNG TY
PHÓ GIÁM ĐỐC